

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ

Số: 951/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Thọ, ngày 23 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành
Luật được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Văn bản số 435/STP-VBQPPL ngày 10/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục quyết định của UBND tỉnh quy định chi tiết thi hành Luật được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm.

Điều 2. Sở Tư pháp, các sở, ngành được phân công chủ trì soạn thảo văn bản thực hiện đầy đủ trách nhiệm xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc ban hành văn bản quy định chi tiết theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ (được sửa đổi bởi điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ); tập trung nguồn lực soạn thảo, trình ban hành Quyết định của UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của Luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tư pháp, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Trọng Tấn

UBND TỈNH PHÚ THỌ

**DANH MỤC QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT
ĐƯỢC QUỐC HỘI KHÓA XV THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP BẤT THƯỜNG LẦN THỨ NĂM**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 951/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ)

STT	Tên văn bản	Căn cứ pháp lý ban hành văn bản	Phạm vi điều chỉnh	Đối tượng áp dụng	Nội dung Luật giao	Thời gian dự kiến trình	Cơ quan chủ trì soạn thảo
1	Quyết định ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Khoản 4 Điều 102 Luật Đất đai 2024	Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn; người sử dụng đất; các tổ chức và cá nhân có liên quan.	Điều 102. Bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng quy định tại Điều này để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.	Sau khi có Văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Luật của các cơ quan Trung ương	- Sở Xây dựng; - Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp

		Khoản 2 Điều 104 Luật Đất đai 2024			Điều 104. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường tại khoản 1 Điều này		
2	Quyết định ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Khoản 6 Điều 103 Luật Đất đai 2024	Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	Cơ quan thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đất đai; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; UBND các xã, phường, thị trấn; người sử dụng đất; các tổ chức và cá nhân có liên quan.	Điều 103. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi 6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo quy trình sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.	Sau khi có Văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Luật của các cơ quan Trung ương	- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp
3	Quyết định của UBND tỉnh Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái	Khoản 7 Điều 111 Luật Đất đai 2024	Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh	Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai các cấp và các cơ quan có liên quan đến việc quản lý đất đai; Người sử dụng đất theo Luật Đất đai	Điều 111. Bố trí tái định cư 7. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở	Sau khi có Văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Luật của các cơ quan	- Sở Tài nguyên và Môi trường

	<p>định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ</p>	<p>Khoản 10 Điều 111 Luật Đất đai 2024</p>	<p>Phú Thọ (hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian chờ bố trí tái định cư; cơ chế thưởng quy định tại khoản 7 Điều 111 và suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 8 Điều 111)</p>	<p>năm 2024 và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng đất</p>	<p>tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở; thời gian và mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với thực tế tại địa phương.</p> <p>Điều 111. Bố trí tái định cư</p> <p>10. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quy định chi tiết về suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 8 Điều này; quyết định việc hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p>	<p>Trung ương</p>	
<p>4</p>	<p>Quyết định của UBND tỉnh Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Phú Thọ</p>	<p>Khoản 5 Điều 141 Luật Đất đai 2024</p>	<p>Quy định quy định hạn mức công nhận đất ở; hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; hạn mức</p>	<p>Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai các cấp và các cơ quan có liên quan đến việc quản lý đất đai; Người sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2024 và các đối tượng khác có liên quan đến quản lý, sử dụng đất</p>	<p>Điều 141. Xác định diện tích đất ở khi công nhận quyền sử dụng đất</p> <p>5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện, tập quán tại địa phương quy định cụ thể hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;</p>	<p>Sau khi có Văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Luật của các cơ quan Trung ương</p>	<p>- Sở Tài nguyên và Môi trường</p>

		Khoản 5 Điều 176 Luật Đất đai 2024	nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân; hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn; hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại đô thị; hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh; quy định cụ thể điều kiện và diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất		<p>Điều 176. Hạn mức giao đất nông nghiệp</p> <p>5. ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</p>	
Khoản 3 Điều 177 Luật Đất đai 2024	<p>Điều 177. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân</p> <p>3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.</p>					
Khoản 2 Điều 195 Luật Đất đai 2024	<p>Điều 195. Đất ở tại nông thôn</p> <p>2. Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn.</p>					
Khoản 2 Điều 196 Luật Đất đai 2024	<p>Điều 196. Đất ở tại đô thị</p> <p>2. Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân</p>					

					dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại đô thị.		
		Khoản 4 Điều 213 Luật Đất đai 2024			Điều 213. Đất tôn giáo 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nhu cầu thực tế về hoạt động tôn giáo và khả năng quỹ đất của địa phương để quy định hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh.		
		Khoản 4 Điều 220 Luật Đất đai 2024			Điều 220. Tách thửa đất, hợp thửa đất 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, quy định khác của pháp luật có liên quan và phong tục, tập quán tại địa phương để quy định cụ thể điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất.		